

Số: 125/2020/QĐST- HNGĐ

Kiến Xương, ngày 18 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự, thụ lý số: 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 10/9/2020 về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: 1 – Chị Bùi Thị D - sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

2 – Anh Nguyễn Hồng N - sinh năm 1985;

Địa chỉ: thôn H, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị D và anh N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã M), huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 21 tháng 01 năm 2015. Sau khi kết hôn do hoàn cảnh công việc nên vợ chồng không chung sống cùng nhau nên dẫn đến nhiều mâu thuẫn, nhất là mâu thuẫn giữa chị D với mẹ đẻ anh N. Đến nay xác định tình cảm không còn, anh chị đề nghị Tòa án công nhận anh chị thuận tình ly hôn. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Hồng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D và anh N có 01 con chung là Nguyễn Bùi Minh Ch, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016. Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N phải cấp dưỡng cho con 3.000.000đ(Ba triệu đồng)/tháng, tính từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị D tự nguyện chịu cả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị D đã nộp là 300.000đ(*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001701 ngày 10/9/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, chị D đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- CCTHADS huyện Kiến Xương.
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phạm Minh Đức